TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/KDTM-ST
Ngày: 28-5-2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thực;
Các Hội thẩm nhân dân:
- Ông Nguyễn Văn Bạch;
- Ông Phan Văn Thật.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Đang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 26 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2020/TLST-KDTM ngày 19 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng Thương mại Cổ phần VP.**

Địa chỉ trụ sở: Số A, LH, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô An D; Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Văn T; Chức vụ: Phó Giám đốc khối Pháp chế và Kiểm soát tuân thủ - VP Hội sở kiêm Phó Tổng Giám đốc VP.

Địa chỉ liên lạc: Tầng A, số B CT, Phường D, Quận X, thành phố Hồ Chí Minh.

Người được ủy quyền lại: Anh Nguyễn Hữu H – Chuyên viên XLN KDN MN. (Có mặt)

Địa chỉ liên lạc: Tầng A, số B CT, Phường D, Quận X, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Chị Dương Thị S, sinh năm 1982 – Chủ Doanh nghiệp tư nhân D; (Vắng mặt)

Cư trú tại: Ấp A, xã MN, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, anh Nguyễn Hữu H trình bày:

Chị Dương Thị S là chủ Doanh nghiệp tư nhân Dương Thị S đã vay vốn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần VP – Chi nhánh L tổng số tiền 313.400.000 đồng theo Hợp đồng cho vay hạn mức số SME/LAN/**/00**/HDHM ngày 16-7-2018. Khoản vay này được bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân của bà Sương theo hợp đồng bảo lãnh số SME/LAN/**/00**/HDBL ngày 16-7-2018, không thực hiện biện pháp bảo đảm bằng thế chấp tài sản, không có đăng ký giao dịch bảo đảm. Mục đích vay tiền để trả lương công nhân.

Ngoài ra, chị S còn ký kết Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 01-8-2018 được bảo lãnh bởi chính chị S.

Trong quá trình sử dụng vốn, chị S đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ nên còn nợ lại Ngân hàng số tiền 151.762.963 đồng nợ gốc, nợ lãi quá hạn là 38.248.673 và nợ thẻ quá hạn là 1.801.937 đồng.

Đối với chị Dương Thị S dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, vắng mặt trong các phiên họp và phiên tòa.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đòi chị Dương Thị S phải trả số tiền nợ còn thiếu là 227.141.111 đồng, đồng thời yêu cầu tiếp tục tính lãi theo hợp đồng hạn mức và các khế ước nhận nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngân hàng Thương mại Cổ phần VP khởi kiện yêu cầu chị Dương Thị S phải trả số tiền 227.141.112 đồng theo hợp đồng được ký kết và phát sinh trong hoạt động kinh doanh giữa hai bên có đăng ký kinh doanh, đều có mục đích lợi nhuận nên căn cứ vào Điều 463 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" và đây là vụ án kinh doanh thương mại. Bị đơn cư trú tại ấp A, xã MN, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thẩm quyền giải quyết là của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn, chị Dương Thị S không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do tại phiên tòa. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Chị Dương Thị S không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không giao nộp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào để bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho mình nên phải chịu hậu quả của việc từ bỏ nghĩa vụ chứng minh.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 16-7-2018, giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần VP – Chi nhánh L và chị Dương Thị S đã ký kết Hợp đồng cho vay hạn mức số SME/LAN/**/00**/HDHM. Trên cơ sở hợp đồng này, giữa Ngân hàng và chị S đã ký 05 Khế ước nhận nợ, cụ thể như sau:

- Khế ước nhận nợ Lần 01/Số: SME/LAN/**/00**/HDHM-01 ngày 17-7-2018, theo đó chị S đã nhận số tiền vay 70.000.000 đồng. Lãi cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 24,9%/năm. Trả nợ vốn, lãi định kỳ hàng tháng, bắt đầu từ ngày 01-8-2018, mỗi kỳ trả 5.900.000 đồng, kỳ cuối trả 5.100.000 đồng. Chị S còn nợ Ngân hàng số tiền vốn 11.000.000 đồng, tiền lãi 4.821.074 đồng và tiền phạt 305.174 đồng.

- Khế ước nhận nợ Lần 02/Số: SME/LAN/**/00**/HDHM-02 ngày 17-8-2018, theo đó chị S đã nhận số tiền vay 70.000.000 đồng. Lãi cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 24,9%/năm. Trả nợ vốn, lãi định kỳ hàng tháng, bắt đầu từ ngày 15-9-2018, mỗi kỳ trả 5.900.000 đồng, kỳ cuối trả 5.100.000 đồng. Chị S còn nợ Ngân hàng số tiền vốn 22.800.000 đồng, tiền lãi 10.345.838 đồng và tiền phạt 683.235 đồng.

- Khế ước nhận nợ Lần 03/Số: SME/LAN/**/00**/HDHM-03 ngày 15-10-2018, theo đó chị S đã nhận số tiền vay 70.000.000 đồng. Lãi cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 25,2%/năm. Trả nợ vốn, lãi định kỳ hàng tháng, bắt đầu từ ngày 15-11-2018, mỗi kỳ trả 5.900.000 đồng, kỳ cuối trả 5.100.000 đồng. Chị S còn nợ Ngân hàng số tiền vốn 34.600.000 đồng, tiền lãi 15.242.933 đồng và tiền phạt 985.171 đồng.

- Khế ước nhận nợ Lần 04/Số: SME/LAN/**/00**/HDHM-04 ngày 13-12-2018, theo đó chị S đã nhận số tiền vay 43.100.000 đồng. Lãi cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 23,4%/năm. Trả nợ vốn, lãi định kỳ hàng tháng, bắt đầu từ ngày 15-01-2019, mỗi kỳ trả 3.600.000 đồng, kỳ cuối trả 3.500.000 đồng. Chị S còn nợ Ngân hàng số tiền vốn 28.700.000 đồng, tiền lãi 13.135.578 đồng và tiền phạt 990.228 đồng.

- Khế ước nhận nợ Lần 05/Số: SME/LAN/**/00**/HDHM-05 ngày 08-3-2019, theo đó chị S đã nhận số tiền vay 60.300.000 đồng. Lãi cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 21,9%/năm. Trả nợ vốn, lãi định kỳ hàng tháng, bắt đầu từ ngày 13-4-2019, mỗi kỳ trả 5.025.000 đồng. Chị S còn nợ Ngân hàng số tiền vốn 54.662.963 đồng, tiền lãi 25.369.209 đồng và tiền phạt 1.697.771 đồng.

Đối với tiền lãi của các khế ước được điều chỉnh theo Hợp đồng cho vay hạn mức nêu trên và mức lãi do Ngân hàng công bố theo quy định, tiền lãi kỳ đầu được tính theo khế ước, các kỳ tiếp theo thả nổi theo quy định của Ngân hàng.

Tính đến thời điểm ngày 26-6-2020, chị S còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 151.762.963 đồng, tiền lãi 68.914.632 đồng và tiền phạt là 4.661.579 đồng. Như vậy, phía chị S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng hạn mức và các khế ước nhận nợ như đã nêu trên nên Ngân hàng yêu cầu chị S phải trả là có căn cứ. Ngoài ra, chị S còn nợ khoản tiền thẻ là 1.801.937 đồng chưa trả, nên Ngân hàng yêu cầu phải trả là có căn cứ. Chị S không có ý kiến gì phản đối, cũng không có tài liệu, chứng cứ gì thể hiện đã trả nợ cho Ngân hàng nên cần thiết buộc chị S phải trả số tiền trên cho Ngân hàng, đồng thời tiếp tục tính lãi theo hợp đồng, khế ước nhận nợ mà các bên đã giao kết cho đến khi trả xong nợ.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên chị S phải chịu án phí kinh doanh thương mại theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự ; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần VP.

Buộc chị Dương Thị S phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần VP – Chi nhánh L số tiền 225.339.174 đồng tiền nợ vay (trong đó tiền vốn 151.762.963 đồng, tiền lãi 68.914.632 đồng và tiền phạt là 4.661.579 đồng) và 1.801.937 đồng tiền nợ thẻ tín dụng. Tổng cộng là 227.141.111 (Hai trăm hai mươi bảy triệu một trăm bốn mươi mốt nghìn một trăm mười một) đồng.

Kể từ ngày 26-6-2020, chị Dương Thị S còn phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần VP – Chi nhánh L số tiền lãi, phạt theo Hợp đồng hạn mức và các Khế ước nhận nợ đã ký kết giữa hai bên cho đến khi thi hành xong số nợ.

2. Về án phí:

Chị Dương Thị S phải chịu 11.357.055 (Mười một triệu ba trăm năm mươi bảy nghìn không trăm năm mươi lăm) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần VP được nhận lại 4.795.339 (Bốn triệu bảy trăm chín mươi lăm nghìn ba trăm ba mươi chín) đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005073 ngày 19-02-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy.

3. Ngân hàng Thương mại Cổ phần VP có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo của chị Dương Thị S là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Anh Thực